



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....231.../TM-MB-HS

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI

Kính gửi:

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) có nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ theo gói mua sắm: “**246/CHRR/2025 - Dịch vụ xác thực CCCD gắn chip theo tiêu chuẩn BCA**”.

MB kính mời Quý Công ty tham gia hoặc giới thiệu đối tác có đủ năng lực và uy tín tham gia chào hàng cho gói mua sắm nêu trên (nếu Quý Công ty là hãng cung cấp/ nhà phân phối). Yêu cầu về năng lực của NCC trong Hồ sơ yêu cầu và được tóm tắt tại Phụ lục 01 đính kèm.

Địa chỉ nộp HSDX:

Phòng Mua sắm - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
Tầng 7, Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

Đầu mối liên hệ: Bà Tạ Phương Loan

Điện thoại: 024.62661088 – Số lẻ: 3218. Di động: 0973 408 132

Email: loantp@mbbank.com.vn

Thời gian nộp Hồ sơ đề xuất: Trước 15 giờ 00 ngày 20 tháng 04 năm 2026

Mọi thắc mắc trong quá trình chuẩn bị hồ sơ đề xuất xin gửi bằng văn bản tới địa chỉ nêu trên.

Ngân hàng TMCP Quân đội rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT; P. MS;



Trần Thị Bảo Quế



PHỤ LỤC 01

TÓM TẮT YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ NĂNG LỰC CỦA NCC

(Gói mua sắm: 246/CHRR/2025 - Dịch vụ xác thực CCCD gắn chip theo tiêu chuẩn BCA)

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSĐX, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng các hợp đồng tương tự mà NCC đã triển khai	≥ 02 hợp đồng tương tự đã hoàn thành cung cấp, triển khai dịch vụ xác thực CCCD gắn chip bằng NFC trong thời gian từ năm 2022 trở lại đây, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị $\geq 20,41$ tỷ đồng và tổng giá trị các hợp đồng $\geq 40,82$ tỷ đồng. - NCC nộp bản sao hợp đồng, biên bản nghiệm thu tổng thể/đưa vào sử dụng có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh.	M
3	Năng lực tài chính	- Năng lực tài chính được liệt kê theo Mẫu số 09 Phần D, trong đó: + Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm tài chính gần đây (2022, 2023 và 2024) $\geq 43,74$ tỷ đồng. + Lợi nhuận 03 năm gần đây > 0 . + Không có nghĩa vụ thuế còn tồn đọng và không phát sinh nợ xấu tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào. - NCC nộp bản sao Báo cáo tài chính, tài liệu liên quan có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh.	M
4	Thư ủy quyền của nhà sản xuất	- NCC phải có thư ủy quyền của hãng sản xuất về việc ủy quyền cung cấp hàng hóa, dịch vụ và cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất để chào cho gói mua sắm này.	M
5	Cung cấp giá list của hãng cung cấp	- Hãng cung cấp và NCC phải cung cấp giá list của hàng hóa/ dịch vụ chào cho gói mua sắm nêu trên hoặc thư xác nhận của hãng cung cấp về việc không cung cấp giá list.	M



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: 246/CHRR/2025 - Dịch vụ xác thực CCCD gắn chip theo tiêu chuẩn BCA
Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Trần Thị Bảo Quế

MỤC LỤC

A. CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
B. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC	4
Mục 1. Nội dung gói mua sắm.....	4
Mục 2. Phạm vi cung cấp.....	4
Mục 3. Biểu tiến độ cung cấp	4
Mục 4. Nội dung của HSĐX.....	4
Mục 5. Giá đề xuất.....	5
Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSĐX.....	6
Mục 7. Làm rõ HSYC:.....	6
Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm	6
Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSĐX.....	7
Mục 10. Làm rõ HSĐX.....	8
Mục 11. Đánh giá các HSĐX	8
Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng	9
Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng.....	9
Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng.....	9
Mục 15. Xử lý vi phạm.....	9
C. YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX.....	10
1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	10
2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:	10
3. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.....	11
4. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:	19
5. Điểm tổng hợp	19
6. Xếp hạng NCC:	20
7. Xác định giá chào:	20
D. BIỂU MẪU	22
Mẫu số 1 – Đơn đề xuất.....	22
Mẫu số 2 – Giấy ủy quyền	23
Mẫu số 3 – Thỏa thuận liên danh.....	24
Mẫu số 4 – Bảng chào giá.....	26
Mẫu số 5 – Bảng phân tách nguồn lực triển khai, đào tạo	27
Mẫu số 6 – Bảng TBĐƯ kỹ thuật	28
Mẫu số 7 – Bảng kê khai thông tin về NCC	29
Mẫu số 8 – Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện.....	30
Mẫu số 9 – Tình hình tài chính của NCC	31
Mẫu số 10 – Bảng nhân sự chủ chốt.....	32
Mẫu số 11 – Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt	33
Mẫu số 12 – Bảng kinh nghiệm chuyên môn.....	34
E. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG.....	35

A. CÁC TỪ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	đồng Việt Nam
USD	đô la Mỹ
MB	Ngân hàng TMCP Quân đội
NCC	NCC

B. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

Mục 1. Nội dung gói mua sắm

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) mời các NCC tham gia chào hàng rộng rãi theo gói mua sắm: **246/CHRR/2025 - Dịch vụ xác thực CCCD gắn chip theo tiêu chuẩn BCA.**

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc 03 năm. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng nguyên tắc, MB sẽ ký kết các Hợp đồng dịch vụ hàng năm với NCC, căn cứ theo đơn giá đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc và số lượng dịch vụ/phạm vi công việc theo nhu cầu thực tế của MB từng năm.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng/năm	Ghi chú
1	Dịch vụ xác thực thông tin CCCD gắn chip	Request thành công	10.000.000	(*)
2	Dịch vụ triển khai tích hợp API	Gói	01	
3	Dịch vụ bảo trì, hỗ trợ sự cố hàng năm	Gói	01	

(*) Số lượng 10.000.000 request/năm là **nhu cầu ước tính** và **không phải cam kết sản lượng mua tối thiểu**. MB sẽ sử dụng và thanh toán theo số lượng request thành công thực tế phát sinh, thực hiện nghiệm thu, đối soát và thanh toán theo tháng.

Để đảm bảo **tối ưu chi phí** và linh hoạt trong quá trình sử dụng, NCC **xây dựng đơn giá dịch vụ theo các bậc sản lượng sử dụng thực tế** trong năm (ví dụ: ≤3 triệu / >3–5 triệu / >5–7 triệu / >7 triệu request), làm cơ sở áp dụng đơn giá tương ứng khi thanh toán.

Mục 3. Biểu tiến độ cung cấp

- Thời gian thực hiện hợp đồng năm thứ 1 gồm:
 - Thời gian bàn giao, triển khai, nghiệm thu trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Thời gian sử dụng dịch vụ 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu tổng thể.
 - Thời gian bảo trì, hỗ trợ sự cố hàng năm: 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu tổng thể
- Địa điểm triển khai: Hà Nội.

Mục 4. Nội dung của HSĐX

1. Ngôn ngữ sử dụng:

- Các tài liệu trong HSĐX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mua sắm và các NCC liên quan đến việc đề xuất phải được trình bày bằng tiếng Việt.
- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản dịch ra tiếng Việt và NCC phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch này (trừ Catalogue/Specification hoặc tài liệu hướng dẫn sử dụng có thể sử dụng văn bản bằng Tiếng Anh).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp, được phép hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa/ dịch vụ tương tự gói mua sắm này;
- Đơn đề xuất theo Mẫu số 1 Phần D được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (người đại diện theo pháp luật của NCC hoặc người được ủy quyền).
- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần D (trong trường hợp ủy quyền) và Bản sao chứng thực Giấy tờ chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền;
- NCC được tham gia trong một HSĐX với tư cách là NCC độc lập hoặc NCC liên danh (kèm theo thỏa thuận liên danh trong đó có phân chia công việc chi tiết của các thành viên liên danh theo Mẫu số 3 Phần D).

3. Tài liệu về tài chính, thương mại

- Bảng chào giá - Mẫu số 4 Phần D và Mẫu số 5 – Bảng phân tách nguồn lực triển khai, đào tạo. NCC phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục và tổng giá mời chào hàng. Trong mỗi biểu giá, NCC phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào và chào giá chi tiết từng cấu phần lớn.
- NCC phải cung cấp giá niêm yết (giá list) của hãng cung cấp hoặc thư xác nhận của hãng cung cấp về việc không cung cấp giá list.
- Các đề xuất tài chính cho gói mua sắm: Thời gian bảo hành, điều kiện thanh toán, điều kiện giao hàng, các điều kiện tài chính khác (nếu có).

4. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của NCC

- Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật – Mẫu số 06 Phần D, catalogue và tài liệu tham chiếu
- Bảng kê khai thông tin về NCC – Mẫu số 07 Phần D
- Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện – Mẫu số 08 Phần D
- Tình hình tài chính của NCC – Mẫu số 09 Phần D.
- Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt – Mẫu số 10 Phần D.
- Bản lý lịch/ Kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự chủ chốt – Mẫu số 11 và 12.
- Giấy ủy quyền của nhà sản xuất.

Mục 5. Giá đề xuất

1. Giá đề xuất là giá do NCC nêu trong đơn đề xuất sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam (hoặc Đô la Mỹ đối với NCC nước ngoài).
2. Trường hợp NCC có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì NCC phải thông báo cho đơn vị mua sắm trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm

- giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.
3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần D, có chữ ký của người đại diện hợp pháp.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Mục 7. Làm rõ HSYC

Trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản/email đề nghị làm rõ đến Đơn vị mua sắm không muộn hơn 03 ngày trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Đơn vị mua sắm phải có văn bản/email trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSYC trước thời điểm đóng gói mua sắm tối thiểu 01 ngày cho tất cả các NCC được mời tham gia gói mua sắm này nhưng không nêu tên NCC đề nghị làm rõ.

Địa chỉ nhận văn bản đề nghị làm rõ HSYC:

Ngân hàng TMCP Quân đội

Tầng 7, Phòng Mua sắm – Khối Hành Chính, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.62661088 (Máy lẻ: 3218)

Email: loantp@mbbank.com.vn

Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm

1. NCC nộp bảo đảm tham dự gói mua sắm theo hình thức thư bảo lãnh dự thầu vô điều kiện, không hủy ngang của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc vào một trong hai tài khoản sau, tùy theo đồng tiền bảo đảm tham dự gói mua sắm quy định tại Mục 8.2 bên dưới:

	Đặt cọc bằng VND	Đặt cọc bằng USD
Số tài khoản	VND1142600310001	USD1142600310001
Tên tài khoản	TAM GIU TIEN KY QUY DU THAU VND	TAM GIU TIEN KY QUY DU THAU USD
Tại	Ngân hàng TMCP Quân Đội	

2. Giá trị và đồng tiền bảo đảm tham dự gói mua sắm: **291.600.000 VND** (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).
3. Hiệu lực của bảo đảm tham dự gói mua sắm: tối thiểu 150 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.
4. Khi tham gia gói mua sắm, NCC phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm theo một trong hai cách sau:
- a. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm tham dự gói mua sắm nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại HSYC; nếu bảo đảm tham dự gói mua sắm của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ

thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.

- b. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm tham dự gói mua sắm có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại HSYC.
5. Bảo đảm tham dự gói mua sắm được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của MB) và thời gian quy định trong HSYC, không đúng tên gói mua sắm, tên NCC và/hoặc không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).
6. NCC không được đề nghị ký gói mua sắm sẽ được hoàn trả bảo đảm tham dự gói mua sắm trong thời gian quy định trong HSYC. Đối với NCC được đề nghị ký gói mua sắm, bảo đảm tham dự gói mua sắm được hoàn trả sau khi NCC thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.
7. NCC không được nhận lại bảo đảm tham dự gói mua sắm trong các trường hợp sau đây:
 - a. NCC rút HSDX sau khi gói mua sắm đã mở và HSDX vẫn còn hiệu lực;
 - b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn NCC và đề nghị thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng theo gói mua sắm này của chủ đầu tư mà NCC không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và/hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng;
 - c. Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến NCC không được nhận lại bảo đảm tham dự gói mua sắm theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm tham dự gói mua sắm.

Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSDX

1. HSDX do NCC chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn đề xuất, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của NCC ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).
2. NCC nộp HSDX đến đơn vị mua sắm bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX của NCC gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
3. HSDX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do NCC tự thực hiện). NCC phải ghi rõ các thông tin trên túi đựng HSDX:

Tên NCC, địa chỉ, điện thoại, Fax của NCC.

Tên và điện thoại của người khi cần liên lạc.

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Gói mua sắm: “ ... ”

Địa chỉ nộp HSDX: Phòng Mua sắm – Khối Hành chính

Tầng 7, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Người nhận: Tạ Phương Loan

Điện thoại: 0973408132. Email: loantp@mbbank.com.vn

(Không được mở trước: giờ 00, ngày tháng năm 2026.)

4. NCC phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSYC như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn tại khoản 3 mục này.

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia có thể yêu cầu NCC làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp.
2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia và NCC có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia mời NCC đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của NCC. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được đơn vị mua sắm bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà đơn vị mua sắm không nhận được văn bản/email làm rõ hoặc NCC có văn bản/email làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia thì đơn vị mua sắm xem xét, xử lý theo các quy định của MB và pháp luật hiện hành.

Mục 11. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. **Đánh giá pháp lý, bao gồm:**
 - a. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX (kiểm tra tư cách hợp lệ của NCC theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này và mục 1 Phần C.
 - b. Đánh giá tính đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 phần C.
2. **Đánh giá về kỹ thuật:** Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSDX được nộp đúng quy định. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí quy định tại Mục 3 Phần C. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu bắt buộc đều được đánh giá là “Đạt” và/hoặc đáp ứng số điểm yêu cầu.

Khi cần thiết, Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia có thể yêu cầu NCC làm rõ một số yêu cầu, tính năng đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ.

3. Đánh giá về thương mại

- a. Đơn vị mua sắm tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).
- b. Đơn vị mua sắm xác định giá đưa về cùng mặt bằng của các HSĐX và so sánh giá trên cùng mặt bằng của các HSĐX. HSĐX đáp ứng yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật thì tiêu chí giá sẽ đánh giá cùng các tiêu chí kỹ thuật để xếp hạng hồ sơ. Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu về pháp lý/kỹ thuật chỉ được dùng giá để tham khảo, không được dùng để xếp hạng hồ sơ (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng

NCC được đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- HSĐX đáp ứng yêu cầu của MB;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là NCC chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định MB và của pháp luật;
- Căn cứ vào kết quả đàm phán, NCC có phương án chào sau đàm phán đáp ứng tối ưu yêu cầu MB sẽ được đề nghị ký hợp đồng.

Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng

Đơn vị mua sắm thông báo kết quả lựa chọn NCC bằng văn bản cho tất cả các NCC tham gia nộp HSĐX sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Đơn vị mua sắm tiến hành hoàn thiện hợp đồng với NCC được lựa chọn để ký kết hợp đồng.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp NCC có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết trong hợp đồng, thông đồng, gian dối trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên mua thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định tại hợp đồng và các thỏa thuận khác.

C. YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSĐX phải nộp	01 bản gốc, 01 bản chụp và 01 bản copy bằng USB. Trong đó: - USB lưu toàn bộ HSĐX bao gồm định dạng file Word/ Bảng giá Excel và bản scan file .pdf - Tổ chức thư mục trong USB tối đa phân 02 cấp thư mục (Thư mục Cha - tên gói mua sắm)/ Thư mục Con / file dữ liệu thực tế Word/Excel/.pdf...) - Tổ chức phân tài liệu theo yêu cầu của MB với danh mục ứng với các yêu cầu của HSYC như năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, cam kết và các phụ lục phản hồi về nguồn lực / đào tạo v.v...
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSĐX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

NCC có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSĐX, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng các hợp đồng tương tự mà NCC đã triển khai	≥ 02 hợp đồng tương tự đã hoàn thành cung cấp, triển khai dịch vụ xác thực CCCD gắn chip bằng NFC trong thời gian từ năm 2022 trở lại đây, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị ≥ 20,41 tỷ đồng và tổng giá trị các hợp đồng ≥ 40,82 tỷ đồng. - NCC nộp bản sao hợp đồng, biên bản nghiệm thu tổng thể/đưa vào sử dụng có công chứng,	M

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
		chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh.	
3	Năng lực tài chính	- Năng lực tài chính được liệt kê theo Mẫu số 09 Phần D, trong đó: + Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm tài chính gần đây (2022, 2023 và 2024) $\geq 43,74$ tỷ đồng. + Lợi nhuận 03 năm gần đây > 0. + Không có nghĩa vụ thuế còn tồn đọng và không phát sinh nợ xấu tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào. - NCC nộp bản sao Báo cáo tài chính/ tài liệu liên quan có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh.	M
4	Thư ủy quyền của nhà sản xuất	- NCC phải có thư ủy quyền của hãng sản xuất về việc ủy quyền cung cấp hàng hóa, dịch vụ và cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất để chào cho gói mua sắm này.	M
5	Cung cấp giá list của hãng cung cấp	- Hãng cung cấp và NCC phải cung cấp giá list của hàng hóa/ dịch vụ chào cho gói mua sắm nêu trên hoặc thư xác nhận của hãng cung cấp về việc không cung cấp giá list.	M
6	Chào giá chi tiết các cấu phần	- NCC phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục và tổng giá chào hàng. Trong mỗi biểu giá, NCC phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào và chào giá chi tiết từng cấu phần. - Cung cấp tài liệu theo Mẫu số 5 – Bảng phân tách nguồn lực triển khai, đào tạo	M
7	Tiến độ thanh toán	- Theo quy định tại Mục E - HSYC	O

3. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chí đánh giá Đạt/ Không đạt và chấm điểm.

M: Yêu cầu Bắt buộc.

O: Yêu cầu không Bắt buộc, tính điểm.

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
Tổng điểm				1000	700
I	Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm đối tác			100	70
1.1	NCC phải cung cấp kế hoạch triển khai đầy đủ, rõ ràng, phù hợp	NCC gửi kế hoạch bàn giao các thông tin tích hợp và quy trình phối hợp nếu hợp tác giữa 2 bên.	M	20	14
1.2	Nhân sự triển khai có kinh nghiệm liên quan đến giải pháp	Nhân sự phải đảm bảo có kiến thức, giải đáp được mọi câu hỏi có liên quan đến nghiệp vụ tính năng và kỹ thuật kết nối. <i>(Yêu cầu cung cấp CV, bằng Đại học, chứng chỉ (nếu có), hợp đồng lao động của nhân sự để chứng minh)</i>	M	30	21
1.3	NCC phải được Trung tâm RAR (BCA) cấp giấy chứng nhận và ký kết hợp đồng về việc triển khai dịch vụ xác thực CCCD/CC gắn chip cho bên thứ 3	Cung cấp giấy chứng nhận về việc triển khai dịch vụ xác thực CCCD/CC gắn chip cho bên thứ 3 còn hiệu lực	M	50	35
II	Yêu cầu về chức năng/ sản phẩm/ Dịch vụ			400	280
2.1	Có khả năng đọc và trích xuất ít nhất 12 trường thông tin trong chip theo chuẩn ICAO và trả về cho MB (cùng các mã lỗi tương minh đính kèm), cụ thể như sau:	Trong trường hợp không đáp ứng đầy đủ 17 trường từ raw data, yêu cầu bắt buộc phải có các trường tối thiểu:	M	180	126
	I. Thông tin raw data	- SOD			
	SOD, COM, DG1 đến DG15	- DG1			
	II. Thông tin giải mã	- DG2			
	1. Số CCCD (M)	- DG13			
	2. Họ và tên có dấu (M)				
	3. Ngày tháng năm sinh (M)				
	4. Giới tính (O)				
	5. Quê quán (O)				
	6. Quốc tịch (O)				

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	7. Nơi thường trú (M)				
	8. Đặc điểm nhận dạng (O)				
	9. Số CMND 9 số (O)				
	10. Ngày cấp (M)				
	11. Nơi cấp (M)				
	11. Ngày hết hạn (M)				
	12. Ảnh chân dung (M)				
2.2	Quá trình đọc dữ liệu và xác thực thông tin phải đảm bảo được không có sự can thiệp từ bên ngoài. NCC phát hiện và ngăn chặn được các hành vi cố tình can thiệp trong quá trình thực hiện đọc chip		M	110	77
2.3	Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu trong thẻ CCCD/CC gắn chip (không bị ghi đè, xóa...)		M	110	77
III	Yêu cầu kỹ thuật (phát triển / tích hợp/ bảo mật/ hạ tầng/ hiệu suất ...)		M	400	280
3.1	Tiêu chí về ứng dụng			80	56
3.1.1	Luồng hoạt động tường minh, dễ sử dụng	Luồng tích hợp kết nối giữa 2 hệ thống phải xuyên suốt, đảm bảo các quy chuẩn về an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu. Kiến trúc hệ thống phải rõ ràng trong từng bước kết nối để có thể phát hiện và điều chỉnh, khắc phục sự cố kịp thời, nhanh chóng	M	20	14
3.1.2	Trace log khi có lỗi	Khi KH thực hiện gặp lỗi thì có thể trace log một cách nhanh chóng thuận tiện.	M	20	14
3.1.3	Số lượng người thực hiện đồng thời - NCC cung cấp thông tin. Tối thiểu: 50 người đồng thời		M	20	14
3.1.4	Thời gian đáp ứng của hệ thống khi số lượng người đăng ký NFC tăng đột biến		M	20	14

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- NCC cung cấp thông tin. Tối đa trong 10s				
3.2	Yêu cầu về kiến trúc hạ tầng hệ thống			80	56
3.2.1	Giải pháp triển khai theo mô hình SaaS (Software-as-a-Service)		M	16	11.2
3.2.2	Miêu tả thiết kế kiến trúc hạ tầng Giải pháp và giải thích về từng thành phần		M	8	5.6
3.2.3	Miêu tả thiết kế kiến trúc phân lớp và luồng dữ liệu của Giải pháp		M	16	11.2
3.2.4	Hệ thống hạ tầng giải pháp phải có độ sẵn sàng cao (High Availability)		M	16	11.2
3.2.5	Cung cấp thông tin về sizing của hệ thống về Trong thời gian cao điểm, hệ thống có thể hỗ trợ tối đa bao nhiêu giao dịch/giây (transaction per second)		M	8	5.6
3.2.6	Triển khai đầy đủ các môi trường UAT, DC, DR		M	8	5.6
3.2.7	Cung cấp kế hoạch khắc phục sự cố của hệ thống		M	8	5.6
3.3	An ninh bảo mật			100	70
3.3.1	Hệ thống back-end giải pháp được thiết kế theo tiêu chuẩn an toàn thông tin của Bộ Công an hoặc Hệ thống đã được Bộ Công an kiểm tra xác nhận		M	10	7
3.3.2	Hệ thống back-end (DC) giải pháp được cài đặt tại vị trí do Bộ Công an chỉ định		M	10	7
3.3.3	Hệ thống hỗ trợ kiểm soát truy cập theo vùng mạng, dải IP Public của Ngân		M	10	7

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	hàng, VPN hoặc leased line				
3.3.4	Cung cấp thông tin về việc đánh giá penetration test của Giải pháp		M	10	7
3.3.5	Mô tả các thuật toán mã hóa được sử dụng		M	5	3.5
3.3.6	Mô tả cách quản lý key mã hóa		M	5	3.5
3.3.7	Toàn bộ dữ liệu trao giữa Client - Server phải được bảo vệ bằng các biện pháp crypto cần thiết.		M	5	3.5
3.3.8	Giải pháp không lưu trữ thông tin nhạy cảm của khách hàng		M	10	7
3.3.9	Tài khoản quản trị không sử dụng mật khẩu tĩnh, hỗ trợ MFA authentication		M	5	3.5
3.3.10	Nếu giải pháp định nghĩa nhiều hơn 1 vai trò (role/permission), phải có bảng ma trận phân quyền, và thực hiện theo nguyên lý Least Privilege: Chỉ cung cấp cho tiến trình/người dùng/tài nguyên đủ quyền để thực hiện công việc, không nhiều hơn.		M	10	7
3.3.11	SDK/API cung cấp cho Ngân hàng tích hợp vào các ứng dụng hệ thống phải đảm bảo không có mã độc, hành vi gây hại cho hệ thống Ngân hàng, không thu thập các thông tin nhạy cảm khi chưa có sự đồng ý của Ngân hàng		M	10	7
3.3.12	Miêu tả cách chống/ngăn chặn:		M		

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Kết nối từ các thiết bị không được quản lý			5	3.5
	- Truy cập dữ liệu của các người dùng không được phân quyền			5	3.5
3.4	Tùy biến và tích hợp			60	42
3.4.1	Trong khả năng đáp ứng về kỹ thuật, NCC hỗ trợ tùy chỉnh SDK/API theo yêu cầu của Ngân hàng		M	60	42
3.5	Khả năng mở rộng			20	14
3.5.1	Giải pháp có thể triển khai trên nhiều kênh như mobile app, tại quầy, ATM hoặc sử dụng các thiết bị chuyên dụng		O	10	7
3.5.2	Cung cấp các tính năng và loại SDK/API được cung cấp khi xem xét các khả năng đa kênh (ví dụ: máy tính để bàn chi nhánh, máy tính bảng, ATM, Kiosk, v.v.)		O	10	7
3.6	Công cụ quản trị và báo cáo			60	42
3.6.1	Cung cấp tool/portal/dashboard để Ngân hàng tra cứu các thông tin liên quan đến giao dịch (thời gian thực hiện, kết quả giao dịch, số lượt giao dịch tháng/năm, tỷ lệ thành công/lỗi, v.v); cho phép xuất các báo cáo liên quan	NCC phải đảm bảo phải có hệ thống portal cho phép MB thực hiện tra cứu thông tin các giao dịch của khách hàng.	M	6	4.2
		NCC cam kết bảo mật thông tin và không được cung cấp thông tin cho bên thứ 3 dưới mọi hình thức khi chưa có sự thống nhất với MBBank.		3	2.1
		Hệ thống đảm bảo về chất lượng dữ liệu (hình ảnh, thông tin...), hiệu năng ổn định.		6	4.2
		NCC phân quyền và hướng dẫn các đầu mối bên MB		3	2.1

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
		thao tác và thực hiện trên portal.			
3.6.2	Cung cấp báo cáo về số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ để phục vụ việc đối soát, tính phí hàng tháng/năm	NCC cung cấp hệ thống báo cáo đối soát dịch vụ được xây dựa trên các tiêu chí thống nhất giữa 2 bên.	M	6	4.2
3.6.3	Cho phép quản lý thông tin tập trung (mobile app, quầy, ATM,...)		O	6	4.2
3.6.4	Tất cả các thay đổi, cập nhật, khóa/ mở khóa, thêm sửa xóa, truy cập quyền của tài khoản được ghi nhận log	NCC đảm bảo phân quyền theo đúng checklist MB bàn giao.	M	3	2.1
		Mọi action thay đổi trên hệ thống phải có bảng lưu trữ log thực hiện (user, ngày giờ thực hiện, thao tác thực hiện, nội dung chi tiết...)		3	2.1
3.6.5	Tất cả các giao dịch, hoạt động, sự kiện của người dùng phải được ghi log	NCC đảm bảo phân quyền theo đúng checklist MB bàn giao.	M	3	2.1
		Mọi action thay đổi trên hệ thống phải có bảng lưu trữ log thực hiện (user, ngày giờ thực hiện, thao tác thực hiện, nội dung chi tiết...)		3	2.1
3.6.6	Hệ thống backend hỗ trợ quản lý tích hợp với các hệ thống khác trong ngân hàng.		M	6	4.2
3.6.7	Hệ thống backend hỗ trợ quản lý hạn mức sử dụng tối từng người dùng và phân quyền chức năng xác thực tối từng người dùng.		M	6	4.2
3.6.8	Hệ thống backend hỗ trợ API kiểm tra thời điểm xác thực của khách hàng đã thực hiện xác thực với Bộ công an trước đó.		M	6	4.2
IV	Yêu cầu dịch vụ hỗ trợ			50	35

TT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	M/O	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
4.1	- Hình thức hỗ trợ kỹ thuật: Online		M	5	3.5
	- Cung cấp đầu mối hỗ trợ kỹ thuật			5	3.5
	- Cung cấp các cấp độ hỗ trợ kỹ thuật:				
	+ Sự cố khẩn cấp: Phản hồi trong 5 phút; Thời gian hoàn thành khắc phục (GP tạm thời) 60 phút;			10	7
	+ Sự cố cao: Phản hồi trong 15 phút; Thời gian hoàn thành khắc phục (GP tạm thời) 85 phút;			10	7
	+ Sự cố trung bình: Phản hồi trong 30 phút; Thời gian hoàn thành khắc phục (GP tạm thời) 195 phút;			10	7
	+ Sự cố thấp: Phản hồi trong 60 phút; Thời gian hoàn thành khắc phục (GP tạm thời) 425 phút			10	7
V	Yêu cầu đào tạo chuyển giao			50	35
5.1	Yêu cầu bàn giao	Bàn giao đầy đủ các tài liệu theo như MB yêu cầu	M		
	- Tài liệu giới thiệu về các chức năng và hướng dẫn sử dụng			5	3.5
	- Tài liệu hướng dẫn cài đặt, vận hành, quản trị			10	7
	- Tài liệu thiết kế kiến trúc hệ thống			10	7
	- Tài liệu thiết kế chi tiết ở các mức API, CSDL			15	10.5
	- Tài liệu mô tả cơ chế đọc dữ liệu từ CCCD gắn chip, cơ chế xác thực thông tin trong chip; cơ chế phòng chống giả mạo			10	7

NCC phải mô tả rõ (có trích dẫn tài liệu nếu cần) để chứng minh khả năng đáp ứng của giải pháp theo mẫu bên dưới. Trong trường hợp NCC không cung cấp đủ thông tin thì coi như giải pháp không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Trường hợp cần làm rõ, MB sẽ yêu cầu làm rõ hoặc mời NCC đến thuyết minh giải pháp.
- HSDX được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật khi các yêu cầu được đánh giá là Đạt.
- Các NCC được đánh giá đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được đánh giá bước tiếp theo.
- Biểu mẫu Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật: Mẫu số 6.
- Biểu mẫu Bảng phân tách nguồn lực - Mẫu số 5

4. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:

Phương pháp đánh giá về giá:

4.1 Xác định giá chào

Giá chào được xác định như sau:

$$G_{\text{chào giá}} = G1 + G2$$

Trong đó:

- G1: Giá chào hạng mục “Chi phí hàng hóa và dịch vụ triển khai hệ thống” sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giảm giá nếu có
- G2: Giá chào hạng mục “Chi phí bảo trì sau hết thời hạn bảo hành” sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giảm giá (nếu có), được xác định như sau:

$$G2 = \sum_{i=n}^7 \frac{BT_i}{(1+r)^i}$$

+ BT_i : Chi phí bảo trì năm thứ i

+ $r = 6\%$

+ n : Thời gian bắt đầu tính bảo trì

- Trường hợp NCC không chào chi phí bảo trì cho các năm sau bảo hành sẽ được hiểu là NCC miễn phí chi phí bảo trì.

4.2 Quy đổi giá chào sang điểm đánh giá

Đối với NCC đạt về mặt kỹ thuật, sẽ được đánh giá tiếp về mặt tài chính.

Sử dụng thang điểm 1000 thống nhất với thang điểm về mặt kỹ thuật. Điểm giá được xác định trên cơ sở giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có). Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = [G_{\text{thấp nhất}} \times 1.000] / G_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- Điểm giá_{đang xét}: Là điểm giá của HSDX đang xét;
- $G_{\text{thấp nhất}}$: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng với giá bảo trì của HSDX thấp nhất;
- $G_{\text{đang xét}}$: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng với giá bảo trì của HSDX đang xét.

5. Điểm tổng hợp

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

Điểm tổng hợp_{đang xét} = (K x Điểm kỹ thuật_{đang xét} + G x Điểm giá_{đang xét}) + Δ_{ƯĐ}

Trong đó:

- Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) = 60%.
- Tỷ trọng điểm về giá (G) = 40%.
- Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;
- G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;
- Δ_{ƯĐ} là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định (nếu có).

6. Xếp hạng NCC:

- HSDX có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất. Trên cơ sở xếp hạng HSDX của các NCC, NCC xếp hạng thứ 1 và thứ 2 sẽ được mời tham gia đàm phán (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

7. Xác định giá chào:

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá chào	Đơn vị mua sắm xác định giá đánh giá của các HSDX theo trình tự sau đây: xác định giá chào; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì Bên mua sắm sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá chào ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại, và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDX.
2	Sửa lỗi	1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác: - Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Trường hợp đơn giá sai mà số lượng, khối lượng và thành tiền đúng thì lấy thành tiền làm cơ sở pháp lý để xác định đơn giá; - Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá chào tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi. b) Các lỗi khác: - Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
		thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; - Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; - Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo số lượng nêu trong HSYC. - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam; - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi; - Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này; - Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn chào (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết. 2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, Bên mua sắm sẽ thông báo bằng văn bản cho NCC. NCC phải có văn bản thông báo cho Bên mua sắm về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu NCC không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSĐX của NCC đó sẽ bị loại.
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSĐX so với yêu cầu của HSYC. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện như sau: Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi.
4	Chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung (nếu có)	Trường hợp cho phép các NCC chào giá bằng nhiều đồng tiền khác nhau theo quy định tại Mục 12 Chương này, để có cơ sở cho việc đánh giá và so sánh các HSĐX, Bên mua sắm quy đổi giá chào về cùng một đồng tiền căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền nước ngoài.

D. BIỂU MẪU

Mẫu số 1 – Đơn đề xuất

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên đơn vị mua sắm]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên NCC]*, cam kết thực hiện gói mua sắm ____ *[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất]*.

Đại diện hợp pháp của NCC⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, NCC được lựa chọn là NCC phải trình Bên mua bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của NCC], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên NCC] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của NCC] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng theo gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] do ____ [Ghi tên đơn vị mua sắm] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên NCC]. ____ [Ghi tên NCC] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
NCC, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho đơn vị mua sắm cùng với đơn đề xuất theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của NCC cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của NCC để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của NCC thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của NCC hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày . tháng _ năm _____
Gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm]
Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] ngày ____ tháng ____
năm ____ [ngày được ghi trên HSYC] do phát hành;
Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:
Tên thành viên liên danh ____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: ____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói mua sắm này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác ____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh,

đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia đề xuất, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- NCC liên danh không trúng thầu;

- Chủ đầu tư hủy gói mua sắm ____ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của đơn vị mua sắm.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG CHÀO GIÁ

1	2	3	4	7	8
STT	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)					(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: NCC phải chào giá chi tiết từng cấu phần lớn và làm rõ các thông tin cho sản phẩm chào (nếu có) như sau:

TT	Nội dung	Mô tả yêu cầu
1	Dải sản phẩm (Product Range)	- Cung cấp dải sản phẩm của hãng sản xuất. - Sản phẩm đang chào thuộc phân khúc nào (ví dụ: Standard/Advanced/Enterprise..., hoặc tùy theo chính sách của từng hãng).
2	Dòng đời sản phẩm (Product Lifecycle)	Cung cấp thông tin về dòng đời của sản phẩm: - Năm sản phẩm được chính thức launching trên thị trường. - Năm sản xuất của sản phẩm đang chào. - Thời gian End of sale dự kiến. - Thời gian End of support dự kiến.

BẢNG PHÂN TÁCH NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI, ĐÀO TẠO

BẢNG 01 – PHÂN BỐ THEO NHÓM CHỨC NĂNG / PHẠM VI						
<i>Điền thông tin các chức năng / phạm vi triển khai tương ứng với các vị trí nguồn lực cần để thực hiện</i>						
STT	Chức năng	Manday vị trí 01	Manday vị trí 02	Manday vị trí 03	Manday vị trí N	Tổng Manday
I	Nhóm chức năng/ Phạm vi 1	0	0	0	0	0
1						0
...						0
II	Nhóm chức năng / Phạm vi 2	0	0	0	0	0
1						0
...						0
Tổng cộng						

BẢNG 02 – PHÂN BỐ NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI									
<i>Điền thông tin vị trí nguồn lực phân bổ theo thời gian triển khai theo giai đoạn của NCC</i>									
Nguồn lực	Giai đoạn 1				Giai đoạn N				Tổng
Vị trí	W1	W2	...	Tổng	W1	W2	...	Tổng	
Vị trí 1									
Vị trí 2									
Vị trí ...									
Total									

Ghi chú: Nêu rõ nguồn lực thực hiện là Tại chỗ / Từ xa / Chuyên gia nước ngoài / Chuyên gia trong nước (Onsite / Offshore / International experts / Local experts).

Đơn vị tính: 5 Man-day = 1 Man-Week / 4 Man-week = 1 Man-month

BẢNG 03 – BỐC TÁCH THÔNG TIN ĐÀO TẠO								
TT	Tên khóa học	Số lượng học viên	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Chứng chỉ khóa học	Giảng viên	Địa điểm đào tạo	Chi phí
1								
2								
3								

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

STT	Yêu cầu	Tuyên bố đáp ứng (Đáp ứng vượt trội/ Đáp ứng/ Đáp ứng một phần/ Không đáp ứng)	Chỉ dẫn tham chiếu (chỉ rõ tên tài liệu, mục, số, trang)	Diễn giải chi tiết

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NCC

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói mua sắm: _____
Trang _____ / _____ trang

Tên NCC: _____ [ghi tên NCC]
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi NCC đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ [ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: _____ [ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của NCC: _____ [tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của NCC Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của NCC.

Đại diện hợp pháp của NCC
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NCC THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên NCC: ____ [ghi tên đầy đủ của NCC]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc NCC phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà NCC đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa		
E-mail:	chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự của hợp đồng			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

NCC phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.
- (2) NCC chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NCC ⁽¹⁾

Tên NCC: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của NCC liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính cho ba năm gần nhất, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của NCC hoặc thành viên liên danh (nếu là NCC liên danh).
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

NCC phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu của HSYC và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì NCC sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

NCC phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

E. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán: chuyển khoản (phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm Bên A).

Đối với dịch vụ xác thực thông tin CCCD gắn chip, tiến độ thanh toán như sau:

- Định kỳ thanh toán: Hàng tháng.
- Muộn nhất ngày làm việc thứ 15 của tháng N+1, Bên B cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A.
- Căn cứ trên Biên bản đối soát được ký hàng kỳ đối soát, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% phí Dịch Vụ theo giá trị nghiệm thu được hai Bên thống nhất trong Biên bản đối soát trừ đi giá trị phạt vi phạm hợp đồng, giá trị giảm trừ và giá trị bồi thường thiệt hại phát sinh trong tháng đó (nếu có) trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ các giấy tờ sau:
 - + Biên bản đối soát của tháng N, có ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B;
 - + Thư đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng giá trị đề nghị thanh toán;
 - + Biên bản ghi nhận giá trị phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường tháng N (nếu có);
 - + Biên bản giảm trừ giá trị thanh toán tháng N (nếu có).
- Trường hợp đến kỳ hạn thanh toán mà hai Bên chưa thống nhất được nội dung liên quan đến Biên bản ghi nhận giá trị phạt và/hoặc Biên bản giảm trừ giá trị thanh toán (nếu có), Bên A sẽ sử dụng số liệu trong Biên bản đối soát được ký hàng tháng để làm căn cứ thanh toán theo quy định của Hợp đồng. Các điều chỉnh (nếu có) sau đó sẽ được các bên thực hiện vào kỳ đối soát tiếp theo liền kề.

II. BẢO HÀNH

Thời gian bảo trì, hỗ trợ sự cố là 12 tháng kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể.

III. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ PHẠT VI PHẠM

Tiến độ cung cấp: Ngay sau khi ký hợp đồng.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,3% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có).

IN QUẢN ĐÓI

Tra

